

Số: /KH-UBND

Ayun Pa, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Phát triển chăn nuôi, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Ayun Pa

Thực hiện Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Phê duyệt Kế hoạch phát triển chăn nuôi, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân thị xã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn thị xã, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

1. Chăn nuôi

- Thị xã Ayun Pa có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển chăn nuôi bao gồm:

+ Diện tích đất đai phục vụ cho phát triển nông nghiệp còn nhiều.

+ Mật độ chăn nuôi trên địa bàn còn thấp đạt khoảng 0,22 ĐVVN, dư địa phát triển mở rộng quy mô chăn nuôi còn nhiều.

+ Các cơ chế, chính sách cho ngành chăn nuôi ngày càng được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và các cấp các ngành.

- Các chỉ tiêu chăn nuôi:

Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn thị xã năm 2020: Đàn bò 10.703 con, đàn lợn 2.115 con, đàn gia cầm 108.410 con. Năm 2021: Đàn bò 10.518 con, đàn lợn 7.157 con, đàn gia cầm 114.259 con, đàn dê 2.649 con.

Giai đoạn 2015-2020: Đàn gia cầm phát triển tương đối ổn định cả về số lượng và chất lượng, các loại gia súc khác giữ ổn định; riêng đàn lợn tăng trưởng không đều, số lượng tổng đàn đạt cao nhất năm 2018 với 12.810 con và có xu hướng giảm trong các năm 2019, 2020. Nguyên nhân chính là do tác động của dịch bệnh nhất là bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, biến động mạnh của giá cả gây tác động lớn đến người chăn nuôi nhất là việc giảm dần chăn nuôi nhỏ, lẻ.

Chăn nuôi nhỏ lẻ theo quy mô nông hộ trên địa bàn thị xã hiện vẫn chiếm đa số (năm 2021, toàn thị xã có 1.816 hộ nuôi bò; 371 hộ nuôi heo, 4.301 hộ nuôi gia cầm); Hiện nay trên địa bàn thị xã có 01 trang trại với quy mô 1.400 con heo.

- Về giống vật nuôi:

Phần lớn đàn bò của thị xã hiện nay là giống địa phương (chiếm khoảng 60%) hoặc đã lai tạp qua nhiều thế hệ, năng suất chất lượng không cao. Tỷ lệ bò lai trên địa bàn (40% tổng đàn bò) chủ yếu lai từ bò Zêbu (Red sindhi, Brahman...), ngoài ra một số nhóm giống bò chuyên thịt chất lượng cao như Charolaise, BBB... đã được sử dụng để phối giống lai tạo đàn bò.

Tỷ lệ lợn ngoại, lai tăng nhanh qua các năm; hiện chiếm khoảng 90% tổng đàn lợn nuôi. Các giống lợn được sử dụng phổ biến chủ yếu là Yorkshire, Landrace, Duroc và con lai giữa các giống trên.

Chăn nuôi dê chủ yếu là nuôi dê thịt và phát triển theo hướng nuôi nhốt. Giống dê nuôi chủ yếu là nuôi dê địa phương nên năng suất thấp và chủ yếu bán cho các lò mổ nhỏ ở địa phương.

- Tình hình thu hút đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi: Đến năm 2021, trên địa bàn thị xã chỉ có 01 dự án chăn nuôi, còn lại chủ yếu theo hình thức nông hộ nhỏ lẻ. 01 dự án đang triển khai các thủ tục để trình Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý và vẫn đang kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn thị xã.

- Giết mổ, chế biến sản phẩm chăn nuôi: Toàn thị xã hiện có 23 điểm, cơ sở giết mổ động vật. Hiện trên địa bàn thị xã có 4 sản phẩm của hộ kinh doanh đạt chứng nhận OCOP trong lĩnh vực chăn nuôi gồm: 03 sản phẩm yến sào đạt 3 sao, 01 sản phẩm rượu yến sào.

- Về nuôi chim Yến: Tại thị xã nghề nuôi chim yến với mục đích thương mại đã xuất hiện từ trước năm 2010 và phát triển khá nhanh trong những năm gần đây. Nuôi chim yến đã góp phần nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm cho một bộ phận người dân. Hiện nay, trên địa bàn thị xã có 148 nhà yến với nhiều quy mô khác nhau, sản lượng đạt khoảng 60 kg tổ yến thô/năm.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh động vật: Trong những năm qua các loại dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm trên địa bàn thị xã được kiểm soát tương đối tốt; các loại dịch bệnh như bệnh Lở mồm long móng, Cúm gia cầm, Tai xanh trên lợn cơ bản được kiểm soát, chỉ xảy ra trên diện hẹp. Tuy nhiên, năm 2019, 2020 trên địa bàn xảy ra Dịch tả lợn Châu phi (DTLCP), tổng số lượng chết, tiêu hủy 5.379 con, khối lượng 260.185 kg; năm 2021 bệnh DTLCP xảy ra làm 108 con lợn mắc bệnh phải tiêu hủy với khối lượng 4.725 kg; bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò làm 850 con bò mắc bệnh, trong đó có 90 con chết, tiêu hủy với khối lượng 7.635kg, gây thiệt hại nặng nề cho ngành chăn nuôi của thị xã. Cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương các cấp đã vào cuộc quyết liệt nhằm ngăn chặn, kiểm soát dịch bệnh, ổn định sản xuất chăn nuôi trên địa bàn thị xã. Tuy nhiên, qua đó cho thấy công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn thị xã còn bộc lộ nhiều bất cập, một trong những nguyên nhân là tổ chức bộ máy ngành thú y hiện nay chưa đúng theo quy định của Luật Thú y, do đó thiếu đồng bộ trong phối hợp quản lý nhà nước về phòng, chống dịch bệnh động vật; hiện nay một số xã, phường còn thiếu chức danh Thú y – Chăn nuôi (hiện nay trên địa bàn thị xã có 6 nhân viên thú y cấp xã/8 xã, phường).

2. Thủy sản

Thị xã Ayun Pa có 2 sông chính chảy qua và một số suối chính như suối Ia Hiao, Ia Rbol và các suối nhỏ khác.

Giai đoạn 2016-2020, giá trị sản xuất đạt 2,28 tỷ đồng, gấp 1,38 lần so với năm 2015. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 140 ha, Diện tích nuôi trồng: 40 ha, diện tích khai thác khác: 100 ha, năng suất nuôi trung bình 2,5-2,7 tấn/ha. Ước sản lượng 100-110 tấn/năm.

Đối tượng nuôi chủ yếu: Trắm, trôi, chép, trê lai, rô phi, cá mè, giống mua từ Trung tâm giống Thủy Sản tỉnh Gia Lai và các cơ sở bán giống trên địa bàn huyện lân cận.

Nhìn chung, kết quả đạt được trong giai đoạn 2016-2020 từng bước khẳng định được sự phù hợp của điều kiện tự nhiên nước mặt đối với sinh trưởng, phát triển của các loài cá truyền thống cho tới các loài đặc sản.

3. Đánh giá chung

3.1. Thuận lợi

Chăn nuôi đóng góp đáng kể trong thu nhập của các hộ dân, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần ổn định kinh tế xã hội. Người dân đã dần quan tâm sử dụng các loại vật nuôi đạt năng suất cao, phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp... góp phần nâng cao năng suất, giá trị và hiệu quả sản xuất.

Những tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, thức ăn chăn nuôi, thú y và chăm sóc nuôi dưỡng tiếp tục được triển khai thực hiện đã đem lại lợi ích và kết quả thiết thực cho người chăn nuôi.

Các chính sách khuyến khích của Nhà nước thông qua các chương trình, dự án bao gồm: Chương trình hỗ trợ và phát triển chăn nuôi nông hộ; khống chế bệnh dịch bệnh động vật và khuyến nông đã góp phần tích cực trong việc thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Chăn nuôi nhỏ lẻ chiếm đa số dẫn đến khó khăn trong quy hoạch, phát triển cũng như kiểm soát dịch bệnh. Chưa hình thành được vùng chăn nuôi tập trung theo hướng trang trại công nghiệp cũng như khu vực giết mổ tập trung.

Kiến thức, kỹ năng của người dân về chăn nuôi nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp. Điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn do vậy việc áp dụng các tiến bộ về khoa học kỹ thuật cũng như đầu tư vào sản xuất, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp rất hạn chế.

Địa bàn quy mô vùng chăn nuôi chịu sự cạnh tranh của vùng trồng cây công nghiệp và cây lương thực, xây dựng cụm công nghiệp, khu dân cư và tiêu chuẩn về khoảng cách an toàn theo quy định giữa các cơ sở chăn nuôi và các đối tượng có liên quan; đặc biệt một số cơ sở ở vùng chăn nuôi truyền thống gần khu dân cư - đô thị theo quy định sẽ phải di dời, trong khi giá sang nhượng đất sản xuất nông nghiệp khá cao. Đây được xem là khó khăn - thách thức đáng kể đối với ngành chăn nuôi trong chuyển dịch từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang quy mô lớn, tập trung cao.

Các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi nhất là chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn được triển khai thực hiện có hiệu quả chưa cao. Chưa có chính sách đặc thù, thoả đáng để khuyến khích phát triển chăn nuôi, cũng như kêu gọi đầu tư trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y nhất là lĩnh vực giết mổ gia súc, gia cầm và chế biến súc sản.

Việc nuôi chim yến trên địa bàn còn mang tính tự phát, phong trào, chưa có định hướng phát triển dài hạn; công tác quản lý an toàn dịch bệnh cho người và vật nuôi chưa được bảo đảm; thiếu hoặc không nghiên cứu đầy đủ về khí hậu, thời tiết, vùng sinh thái và tập tính của loại chim yến nhà, chưa có các tiêu chuẩn, quy chuẩn

kỹ thuật trong xây dựng và vận hành nhà yến nên hiệu quả kinh tế trong đầu tư nuôi yến chưa cao và chưa ổn định.

Nguồn thức ăn chăn nuôi công nghiệp phụ thuộc vào nguồn cung cấp từ bên ngoài do chưa có cơ sở chế biến thức ăn chăn nuôi trên địa bàn; ngoài ra, còn việc phát triển cỏ trồng làm thức ăn chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do điều kiện khí hậu của thị xã với mùa khô quá dài, khả năng bốc hơi nước nhanh, giữ ẩm của đất rất thấp trong lúc áp dụng các biện pháp như tưới tiết kiệm còn hạn chế.

Xử lý ô nhiễm môi trường ở những hộ nuôi quy mô nhỏ còn chưa tốt, nhất là trong các khu dân cư, gây ô nhiễm không khí và nguồn nước.

Biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường, phát sinh nhiều dịch bệnh mới như bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, Viêm da nổi cục ở trâu, bò, Cúm gia cầm,... làm ảnh hưởng tiêu cực đến ngành chăn nuôi. Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 kéo dài và dự kiến còn nhiều phức tạp làm khó khăn trong vận chuyển vật tư nguyên liệu, vật tư sản xuất, gián đoạn thương mại, xuất khẩu và tiêu thụ sản phẩm gây ảnh hưởng rất lớn đến người chăn nuôi.

Nguồn nhân lực có chuyên môn cho chăn nuôi tại các địa phương còn chưa cao. Đội ngũ thú y viên tại các xã, phường còn hoạt động bán chuyên trách, nhiều thú y viên chỉ được đào tạo qua các lớp tập huấn ngắn hạn, không có chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu nên việc chuyển giao, hướng dẫn đến người chăn nuôi ít đạt hiệu quả.

Việc thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc... chưa được quy hoạch, quan tâm đúng mức. Chủ yếu tại các điểm giết mổ nhỏ lẻ hộ gia đình.

Nuôi trồng, khai thác thủy sản trong thời gian tới dự báo có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, tình trạng mưa lũ, nắng nóng kéo dài và nguy cơ dịch bệnh phát sinh khó kiểm soát.

Nguồn kinh phí thực hiện cho công tác khuyến nông, khuyến ngư, công tác hỗ trợ ngư cụ khai thác đánh bắt thủy sản chủ yếu từ nguồn ngân sách nhà nước, sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân còn rất ít và chưa có phong trào mở rộng. Nhận thức, ý thức của người dân còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước dẫn đến khó khăn trong việc nhân rộng các mô hình trình diễn về nuôi trồng thủy sản. Kinh phí đầu tư trang thiết bị nuôi ban đầu lớn dẫn đến tâm lý người nuôi chưa thực sự mạnh dạn quan tâm để chủ động tự đầu tư nuôi trồng thủy sản.

Sản xuất, nuôi trồng thủy sản của thị xã vẫn còn phân tán, hoạt động nuôi theo mùa vụ, ao hồ nhỏ của người dân đa phần sử dụng chính vào mục đích tưới, chưa thực sự chuyên nuôi, tận dụng nuôi chủ yếu quảng canh, thả thưa, đánh tĩa thả bù nhằm cải thiện thực phẩm trong chính gia đình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi tập trung với quy mô lớn theo chuỗi giá trị; xây dựng và củng cố các chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Liên kết chặt chẽ giữa ngành chăn

nuôi với các ngành trồng trọt, lâm nghiệp để tạo nên cơ cấu, tỷ trọng hợp lý trên cơ sở hỗ trợ, tận dụng hiệu quả sản phẩm, phụ phẩm giữa các ngành để nâng cao giá trị gia tăng và góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường.

- Xây dựng các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung, an toàn dịch bệnh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh; phát triển chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh theo chuỗi liên kết, giảm giá thành sản phẩm; nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế về diện tích mặt nước để phát triển ngành thủy sản đồng bộ các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; chuyển dịch hình thức nuôi trồng theo hướng thâm canh, bán thâm canh, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, chuyển đổi số, chú trọng phát triển các đối tượng có giá trị kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, xây dựng nông thôn mới... gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng thị trường, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; đổi mới, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển, sử dụng hiệu quả nhân lực, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật; nâng cao nhận thức về vai trò phát triển thủy sản, thu hút các nguồn lực, các thành phần kinh tế đầu tư phát triển thủy sản.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chăn nuôi

*** Đến năm 2025**

Dự kiến tổng đàn gia súc, gia cầm: Đàn trâu 30 con, đàn bò 13.500 con, đàn lợn 6.000 con, đàn gia cầm 145.000 con.

*** Đến năm 2030**

Dự kiến tổng đàn gia súc, gia cầm: Đàn trâu 30 con, đàn bò 15.000 con, đàn lợn 6.000 con, đàn gia cầm 200.000 con.

2.2. Thủy sản

*** Đến năm 2025**

- Phân đầu đạt giá trị sản xuất thủy sản khoảng 3,006 tỷ đồng. Bình quân tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 đạt 5,694%.

- Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng và khai thác thủy sản đạt 140 ha, trong đó: Diện tích nuôi trồng đạt 40 ha, diện tích khai thác đạt 100 ha.

- Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đạt 166,5 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi trồng đạt 153,5 tấn, sản lượng khai thác đạt 13 tấn.

*** Đến năm 2030**

- Phân đầu đạt giá trị sản xuất thủy sản khoảng 3,19 tỷ đồng. Bình quân tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2026-2030 đạt 6,25%.

- Tổng diện tích mặt nước nuôi trồng và khai thác thủy sản đạt 145 ha, trong đó: Diện tích nuôi trồng đạt 45 ha, diện tích khai thác đạt 100 ha.

- Tổng sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản đạt 185,6 tấn, trong đó: Sản lượng nuôi trồng đạt 172,6 tấn, sản lượng khai thác đạt 13 tấn.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức, cơ cấu sản xuất ngành chăn nuôi, thủy sản

- Triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, trọng tâm như: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Gia Lai; chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai; chính sách đặc thù khuyến khích phát triển hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Nghị quyết số 103/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách, biện pháp nhằm đảm bảo thi hành Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 123/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Củng cố và phát triển hình thành hợp tác xã kiểu mới trong lĩnh vực chăn nuôi làm cầu nối giữa nông hộ, trang trại với các doanh nghiệp lớn và thị trường. Khuyến khích và hỗ trợ hình thành các hội trong đó hội phải thực sự là đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, là đầu mối tạo diễn đàn kết nối các nhà quản lý, khoa học, doanh nghiệp và người chăn nuôi.

- Xây dựng, chuyển giao và nhân rộng mô hình liên kết tổ chức sản xuất chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị gia tăng và thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, GMP), nông nghiệp hữu cơ (Organic).

2. Nâng cao năng suất, chất lượng giống vật nuôi, thủy sản

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển sản xuất giống cây trồng nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi và giống thủy sản theo hướng công nghiệp hiện đại.

- Đẩy mạnh thực hiện cải tiến nâng cao tầm vóc đàn bò; tăng cường sử dụng bò đực giống tốt đã qua chọn lọc phục vụ nhân giống cho đàn bò cái tại các vùng chưa có hoặc mạng lưới thụ tinh nhân tạo bò kém phát triển. Nghiên cứu, chọn lọc tổ hợp bò lai hướng thịt có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện chăn nuôi và nhu cầu thị

trường, bảo đảm có số lượng sản phẩm đủ lớn và đồng nhất về chất lượng. Nâng cao tỷ lệ lợn ngoại, chú trọng đưa vào sản xuất giống cao sản.

- Thực hiện tốt việc quản lý giống chăn nuôi, thủy sản, triển khai đầy đủ các quy định của pháp luật để lựa chọn con giống trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Luật Chăn nuôi, Luật Thủy sản; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; các yêu cầu kỹ thuật Tiêu chuẩn Quốc gia về chăn nuôi, thủy sản; các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi; số 26/2018/TT-BNNPTNT về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản; số 05/2020/TT-BNNPTNT ngày 16/3/2020 về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giống thủy sản; số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ làm động lực cho phát triển ngành chăn nuôi, thủy sản trên cơ sở kết hợp công nghệ cao với kế thừa những kinh nghiệm truyền thống.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các chương trình, dự án, đề tài khoa học công nghệ nghiên cứu, chọn tạo, cải thiện giống vật nuôi, thủy sản có giá trị kinh tế cao, thế mạnh của thị xã.

3. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản

- Thực hiện có hiệu quả các nội dung thuộc Kế hoạch số 1178/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Đề án tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý chuyên ngành thú y các cấp, giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chú trọng đào tạo kỹ thuật chăn nuôi, thủy sản, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông, khuyến ngư.

- Ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hành chính và quản lý các lĩnh vực dự báo, sản xuất, kênh đầu mối thông tin chăn nuôi, thủy sản đáp ứng yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển.

- Tăng cường xã hội hóa các dịch vụ công về chăn nuôi, thú y, thủy sản để mọi thành phần kinh tế có đủ điều kiện có thể tham gia nhằm công khai, minh bạch các hoạt động quản lý, giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước và cung cấp cho người dân chất lượng dịch vụ tốt nhất.

4. Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi, thủy sản

- Quản lý tốt hoạt động chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn, tăng cường quản lý, kiểm tra điều kiện đối với các cơ sở chăn nuôi, thủy sản đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Thủy sản, Luật Chăn nuôi.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh ban hành quy định khu vực thuộc nội thành của thành

phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

5. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong chăn nuôi, thủy sản

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm chăn nuôi, thủy sản đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tăng cường đầu tư và xã hội hóa hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong chăn nuôi, thủy sản, trong đó, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chuyển giao công nghệ vào sản xuất, ưu tiên thực hiện vào lĩnh vực giống, thức ăn vật nuôi, thủy sản, giết mổ, chế biến, phòng, chống dịch bệnh và xử lý môi trường, cụ thể:

+ Đối với chuồng trại chăn nuôi: Ứng dụng tiến bộ xây dựng chuồng trại chăn nuôi đảm bảo điều kiện tiêu khí hậu chuồng nuôi (chuồng lạnh, chuồng kín), tự động hóa trong chăn nuôi... đảm bảo các điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học.

+ Đối với xử lý chất thải chăn nuôi: Ứng dụng đồng bộ các giải pháp về công nghệ để xử lý toàn diện chất thải chăn nuôi.

+ Đối với phòng chống dịch bệnh: Chủ động giám sát dịch bệnh và ứng dụng công nghệ trong chẩn đoán, phòng và điều trị bệnh động vật.

+ Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các hoạt động chăn nuôi, giết mổ, chế biến tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư một số công nghệ mới sử dụng trong chăn nuôi như:

+ Sử dụng thức ăn có dược liệu, giảm sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi.

+ Công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh; giám định, chuẩn đoán bệnh trên vật nuôi, thủy sản.

+ Công nghệ tự động hoá, bán tự động trong quá trình chăn nuôi, thâm canh nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp.

+ Công nghệ tự động hoá trong giết mổ, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi; trong kiểm soát, xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

+ Công nghệ sinh học xử lý phế phụ phẩm chăn nuôi, thủy sản.

+ Công nghệ chăn nuôi tiết kiệm nước, tái sử dụng nước, chăn nuôi tuần hoàn.

6. Giải pháp về chính sách

- Chính sách đất đai: Căn cứ Quyết định quy định mật độ chăn nuôi giai đoạn 2022-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, rà soát quỹ đất để phát triển chăn nuôi cho phù hợp, đáp ứng các điều kiện về chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Ưu tiên giao đất, cho thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại tập trung áp dụng công nghệ cao đủ điều kiện chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, cơ sở giết mổ động vật tập trung, chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Chính sách tài chính và tín dụng

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung quy mô lớn, chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi hiện có của Trung ương và của tỉnh; thực hiện rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan nhằm thu hút, khuyến khích đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ để phát triển chăn nuôi hiện đại, theo chuỗi khép kín, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

+ Thúc đẩy nhanh việc phát triển và nhân rộng các chuỗi liên kết trong chăn nuôi, nhất là đối với khu vực chăn nuôi nông hộ thông qua khuyến khích hình thức hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào chăn nuôi có gắn kết với các trang trại, hộ chăn nuôi.

- Chính sách thương mại: Khuyến khích phát triển các mô hình chế biến các loại thức ăn chăn nuôi từ nguồn nguyên liệu, phụ phẩm địa phương với công nghệ phù hợp để giảm giá thành chăn nuôi, hạn chế phụ thuộc vào nguồn thức ăn thương mại.

7. Phát triển vùng chăn nuôi tập trung

Việc bố trí các vùng chăn nuôi tập trung là cơ sở để xây dựng những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến nhằm tạo ra nguồn sản phẩm chăn nuôi lớn, có chất lượng tốt, sức cạnh tranh cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường, đưa ngành chăn nuôi của tỉnh phát triển bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp.

Tạo thuận lợi cho việc quản lý và xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học, chăn nuôi hướng hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu gắn truy xuất nguồn gốc sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phát triển những vùng chăn nuôi tuần hoàn khép kín, tạo nên các chuỗi liên kết sản xuất từ con giống, thức ăn, tổ chức chăn nuôi, giết mổ, chế biến đến thị trường tiêu thụ. Tạo vùng nguyên liệu để xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung công nghiệp, cơ sở chế biến, chế biến sâu, các nhà máy sản xuất phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi để phục vụ trồng trọt, nuôi trồng thủy sản... hình thành các chuỗi đa giá trị.

Căn cứ Quyết định quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030, Kế hoạch và Quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội; quỹ đất phát triển chăn nuôi trên địa bàn, tình hình thu hút các dự án chăn nuôi để bố trí các vùng chăn nuôi tập trung cụ thể.

- Các giải pháp về quỹ đất, kêu gọi đầu tư nhằm phát triển các vùng chăn nuôi tập trung:

+ Bố trí quỹ đất ở những phù hợp nhất là những vùng cần cỗi, giá trị canh tác thấp, ít có khả năng để phát triển các ngành như trồng trọt, lâm nghiệp... Phù hợp quy định của Luật đất đai, Luật chăn nuôi, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi, Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi, các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy

định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Ưu tiên giao đất, thuê đất với chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về đất đai cho các cơ sở chăn nuôi trang trại, công nghiệp đủ điều kiện chăn nuôi an toàn sinh học trong vùng phát triển chăn nuôi, cơ sở giết mổ tập trung, chế biến công nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi.

+ Tăng cường thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư vào ngành chăn nuôi theo chuỗi khép kín và hỗ trợ, dẫn dắt người chăn nuôi sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ Thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các vùng chăn nuôi tập trung như: hệ thống điện, đường, xử lý chất thải chăn nuôi,...

8. Chuyển dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại

- Khuyến khích, hướng dẫn các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình có nhu cầu chuyển dịch đầu tư, nâng cấp xây dựng trang trại chăn nuôi quy mô vừa, nhỏ theo đúng quy định của pháp luật.

- Lồng ghép các Chương trình, Mục tiêu khác như nông thôn mới, chăn nuôi nông hộ, các đề án, dự án... để hỗ trợ phát triển chăn nuôi ở vùng nông thôn nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hướng dẫn người dân tận dụng diện tích đất đai trồng các giống cỏ mới cho năng suất cao, áp dụng các biện pháp như tưới nước, bón phân và tận dụng phụ phẩm của trồng trọt để làm nguồn thức ăn nuôi các loài gia súc ăn cỏ. Mạnh dạn chuyển đổi phương thức chăn thả phụ thuộc vào tự nhiên sang nuôi nhốt, chủ động nguồn thức ăn và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Xây dựng các chuyên trang trên thông tin đại chúng chúng để giới thiệu những mô hình, cách làm hay nhằm chuyển dần tư duy của người dân từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản; củng cố các tổ hợp tác, hợp tác xã làm trung gian liên kết doanh nghiệp và người dân, từ đó tạo niềm tin, khuyến khích người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tham gia các liên kết, hợp tác nhằm sản xuất ổn định, bền vững, tạo ra các sản phẩm có giá trị.

9. Đẩy mạnh phát triển nghề nuôi chim yến

- Khuyến khích, hỗ trợ việc thành lập Hội yến sào của thị xã để hỗ trợ người nuôi yến về kỹ thuật nuôi, liên kết với nhau nâng cao chất lượng, uy tín sản phẩm, quy định chất lượng sản phẩm, nhãn mác xuất xứ chỉ dẫn địa lý sản phẩm.

- Khuyến khích phát triển nhà yến trong khu vực có vị trí thuận lợi về điều kiện tự nhiên và sinh thái để nuôi chim yến như: Có điều kiện thổ nhưỡng lý tưởng, môi trường sống vĩ mô rất tốt, quần đàn chim đi ăn thường xuyên, không ảnh hưởng bởi các yếu tố tác động bất lợi cho đàn chim yến, xa khu công nghiệp, nhà máy, bệnh viện, trường học, cơ sở y tế, khu hành chính, khu nội thị của thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ, khu dân cư đông đúc,... đảm bảo các điều kiện theo Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị định

13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nghiêm cấm xây dựng nhà yến mới trong khu dân cư đã được quy hoạch và khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh nhằm hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực do nuôi yến tới cộng đồng.

- Thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, hộ gia đình đầu tư xây dựng các cơ sở nuôi chim yến trong khu vực được phép nuôi chim yến, phát triển cơ sở nuôi yến tập trung theo mô hình làng nghề và kết hợp nuôi yến theo quy mô hộ gia đình để khai thác lợi thế, nguồn lực trong dân cư tại chỗ.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh tổ yến, các sản phẩm từ tổ yến và các vật tư phục vụ cho nghề nuôi chim yến. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thành lập doanh nghiệp có đủ năng lực xây dựng cơ sở chế biến yến sào tạo nhiều dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

- Phối hợp các đơn vị chuyên ngành có kinh nghiệm về nghề nuôi chim yến để tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật mới nghiên cứu đặc điểm khí hậu, thời tiết, vùng sinh thái và tập tính của loại chim yến nhà xác định vùng nuôi chim yến phù hợp trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu áp nở nhân tạo, di đàn, nhân đàn, công nghệ tạo nguồn thức ăn, công nghệ bảo quản và chế biến các sản phẩm sau thu hoạch từ tổ yến...

- Xây dựng các mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong nuôi chim yến gắn với bảo vệ môi trường, mô hình nhà nuôi chim yến trình diễn để chuyển giao công nghệ và nhân rộng tại địa phương.

- Khuyến khích, hỗ trợ hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa người dân với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn hình thành chuỗi giá trị và thương hiệu mạnh cho yến sào Việt Nam.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý nuôi chim yến và các giải pháp bảo vệ chim yến, đặc biệt là Nghị quyết số 127/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;...

10. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh và kiểm soát tốt môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản

- Hàng năm, xây dựng và triển khai có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản, quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp và người chăn nuôi triển khai xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thân thiện với môi trường nhất là ở các vùng chăn nuôi trọng điểm.

11. Nâng cao năng lực giết mổ và chế biến sản phẩm chăn nuôi

- Tăng cường thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm công suất lớn. Đẩy mạnh triển khai xây dựng cơ sở giết mổ tập trung.

- Tăng cường công tác quản lý giết mổ nhỏ lẻ, kiểm soát giết mổ theo hướng gom các điểm giết mổ nhỏ lẻ vào các cơ sở giết mổ tập trung và kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh thịt tại các chợ, siêu thị,... đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm soát tốt dịch bệnh.

12. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm

- Lòng ghép triển khai thực hiện Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Gia Lai giai đoạn 2020 - 2025 và Kế hoạch số 1364/KH-UBND ngày 20/9/2021 về thực hiện Đề án đổi mới phương thức kinh doanh và tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Chú trọng công tác dự báo, định hướng tiếp cận thị trường sản phẩm chăn nuôi, thủy sản của thị xã. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số hóa trong việc thu thập thông tin, dự báo tình hình thị trường; đa dạng hóa thị trường tiêu thụ và các kênh phân phối sản phẩm.

- Xây dựng thương hiệu và phù hợp tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ưu tiên cho những sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, mẫu mã và quy cách của các thị trường tiêu thụ. Củng cố hệ thống tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, thủy sản theo hướng hình thành các chuỗi liên kết từ sản xuất - chế biến - lưu thông - tiêu thụ sản phẩm thông qua hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội và Chương trình OCOP.

- Tăng cường quảng bá các sản phẩm chủ lực của thị xã trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin điện tử; cập nhật thường xuyên thông tin thị trường các sản phẩm cùng loại trên sàn giao dịch điện tử, cổng thông tin điện tử của thị xã...

- Tạo điều kiện, hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia quảng bá sản phẩm tại các hội chợ nhằm tìm kiếm thị trường, đối tác; hỗ trợ chứng nhận sản phẩm an toàn.

13. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tập huấn

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2021, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi và Chiến lược phát triển thủy sản giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến 2045, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, chính quyền địa phương, các thành phần kinh tế về mục tiêu, ý nghĩa, tầm quan trọng phát triển ngành chăn nuôi và tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

- Tuyên truyền, vận động hình thành các mô hình liên kết hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ (hợp tác xã, tổ hợp tác, các loại liên minh). Trên cơ sở mô hình liên

kết hợp tác thu hút các doanh nghiệp kết nối để hình thành chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi phục vụ chế biến tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức giới thiệu các mô hình hay, cách làm sáng tạo mang lại hiệu quả, thực hiện các biện pháp nuôi an toàn sinh học trong và ngoài thị xã; phối hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã giới thiệu, triển khai các tiến bộ kỹ thuật mới vào chăn nuôi, thủy sản phòng, chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Thông tin đầy đủ về định hướng, thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi.

14. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, đào tạo nguồn nhân lực của ngành chăn nuôi, thủy sản, tập trung đào tạo và thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận các công nghệ hiện đại kịp thời đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh của ngành chăn nuôi, nhất là các lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất giống vật nuôi, di truyền giống, nông nghiệp thông minh.

- Tiếp tục đào tạo để nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho cán bộ chăn nuôi, thú y các cấp, nhất là hệ thống chăn nuôi thú y cấp xã. Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ gắn với hoạt động khuyến nông.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp và nông thôn gắn với nhu cầu thực tế của thị trường, doanh nghiệp, hợp tác xã, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn. Chú trọng đào tạo kỹ năng quản trị, kỹ thuật chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, quản lý dịch bệnh và an toàn thực phẩm cho người chăn nuôi thông qua các chương trình dạy nghề, hoạt động khuyến nông, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển nông thôn. Hướng tới xây dựng lực lượng khuyến nông theo hướng xã hội hóa, bám sát cộng đồng.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chăn nuôi trên địa bàn thị xã, đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ giúp giải quyết công ăn việc làm cho người dân tại địa phương.

15. Phát triển chăn nuôi an toàn sinh học, thân thiện với môi trường

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các trang trại, dự án chăn nuôi theo chuỗi sản xuất tuần hoàn kết hợp giữa chăn nuôi và trồng trọt để giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường và nguồn thức ăn chăn nuôi, trong đó nguồn chất thải chăn nuôi được sản xuất thành phân vi sinh để tái sử dụng cho trồng trọt, sản phẩm của ngành trồng trọt sử dụng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho ngành chăn nuôi.

- Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng các mô hình xử lý chất thải tiên tiến; đảm bảo nước thải chăn nuôi đạt tiêu chuẩn quy định và có thể tuần hoàn tái sử dụng giúp giảm thiểu lượng nước thải ra môi trường đồng thời tiết kiệm tài nguyên nước.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ứng dụng các công nghệ mới, đồng bộ các giải pháp để xử lý toàn diện chất thải trong chăn nuôi, đảm bảo đúng các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn kèm theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kinh tế thị xã

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị chuyên

môn trực thuộc triển khai các nhiệm vụ sau:

- Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về chăn nuôi, thú y, thủy sản; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân chấp hành theo đúng quy định của Nhà nước. Tham mưu xây dựng đề án, kế hoạch,... phát triển chăn nuôi, thủy sản và tổng hợp, đề xuất, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường hỗ trợ các tổ chức, đơn vị thực hiện các mô hình phát triển hợp tác xã, các chuỗi liên kết liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản gắn với các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng đối với các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản, truy suất nguồn gốc; tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm có nguồn gốc động vật. Thực hiện công tác xúc tiến thương mại, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong sản xuất; tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có yêu cầu sản xuất sản phẩm theo hướng sản xuất tốt như VietGap, GlobalGAP, GMP....

- Đẩy mạnh việc thực hiện các mô hình chăn nuôi nông hộ tiên tiến, dự án chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; đánh giá kết quả và nhân rộng các mô hình có hiệu quả.

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện hướng dẫn xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho một số sản phẩm chăn nuôi, thủy sản.

- Triển khai kế hoạch phát triển chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, đặc điểm kinh tế, xã hội tại địa phương nhằm cụ thể hóa Kế hoạch này.

- Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, các chủ hồ, đập trên địa bàn tiếp tục rà soát, thống kê, tổng hợp đầy đủ diện tích mặt nước lớn có khả năng nuôi trồng thủy sản, trên cơ sở đó đánh giá hiện trạng, tiềm năng, xác định mục tiêu, giải pháp cụ thể để phát triển ngành thủy sản trên địa bàn. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức hướng dẫn, vận động các chủ đập, chủ hồ chứa quan tâm đầu tư hoặc tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa.

- Tham gia xây dựng thương hiệu sản phẩm, hoạt động xúc tiến thương mại, ổn định và mở rộng thị trường tiêu thụ; tổ chức mạng lưới cung cấp thông tin thị trường cho cộng đồng doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân có liên quan; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, có trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả và bền vững.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển chăn nuôi, thủy sản giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã về Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh định kỳ trước ngày 10/11 hàng năm.

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã

- Ưu tiên bố trí các đề tài nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ trong xử lý lĩnh vực phát triển giống vật nuôi, thủy sản,...

- Tham gia đào tạo nghề, chuyển giao công nghệ, tập huấn phát triển sinh kế,

chuyển đổi nghề phù hợp.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã cân đối nguồn kinh phí thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ về chăn nuôi, thủy sản theo các Chương trình, Kế hoạch, Đề án đã được phê duyệt.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Phòng Kinh tế thị xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã bố trí vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu và nội dung của Kế hoạch.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã

- Phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định Luật Đất đai khi được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Hướng dẫn các nhà đầu tư về nội dung liên quan lĩnh vực tài nguyên và môi trường trong quá trình đầu tư chăn nuôi, thủy sản. Tổ chức quản lý chặt các dự án chăn nuôi trong quá trình hoạt động, chú trọng đối với việc đầu tư Trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường và thực hiện các cam kết của nhà đầu tư trong quá trình đề xuất dự án.

- Hướng dẫn, giám sát các nhà đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi thực hiện giấy phép môi trường thuộc cấp huyện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thị xã

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp và nông thôn gắn chặt với nhu cầu thị trường lao động của thị xã. Đề xuất các chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề, liên kết, kết nối trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động của tỉnh nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng.

- Thống kê các doanh nghiệp cho thuê lao động, hướng dẫn việc thực hiện hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc, giải quyết tranh chấp lao động ... theo đúng quy định của pháp luật.

6. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã

Thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch này; tích cực tuyên truyền, phổ biến các quy trình kỹ thuật trong sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và nêu những tấm gương điển hình tiên tiến về chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng.

7. Phòng Nội vụ thị xã

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thị xã kiện toàn hệ thống bộ máy tổ chức quản lý nhà nước chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản đảm bảo thực thi pháp luật hiệu quả.

8. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với các phòng, ban, các đơn vị liên quan, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp triển khai hiệu quả Kế hoạch này tại địa bàn; giám sát các tổ chức, cá nhân trong quá trình sản xuất

chăn nuôi, thủy sản bảo đảm đúng theo quy định của nhà nước.

- Tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan chăn nuôi và thủy sản, tham gia xây dựng và phản biện các định hướng kế hoạch, giải pháp, cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi, thủy sản.

- Bố trí quỹ đất phục vụ cho phát triển chăn nuôi, vùng chăn nuôi tập trung và chuyển dịch hình thức chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, phân tán sang quy mô chăn nuôi trang trại tập trung trên địa bàn.

- Hướng dẫn, giám sát các nhà đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi thực hiện đăng ký môi trường đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch phát triển chăn nuôi, thủy sản về Phòng Kinh tế trước ngày 01/11 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển chăn nuôi, thủy sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã Ayun Pa; yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những thiếu sót, bất cập thì phản ánh về Phòng Kinh tế thị xã để tổng hợp, trình UBND thị xã xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- CVP, các PCVP. HĐND-UBND thị xã;
- Các Phòng: Kinh tế, Tài chính-KH thị xã, Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và xã hội; Nội vụ;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thị xã;
- Trung tâm VH-TT và thể thao thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NTcv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Xuân Toàn